TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ-ST
Ngày 07 tháng 8 năm 2020
"V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tố - Ông Ngô Trọng Thế.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* Bà Lại Thị Hiền- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 7 năm 2020; ngày 30/7/2020 và ngày 07/8/2020 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 435 /2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 về Tranh chấp Yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:88/2020/QĐXX-ST ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị T , sinh ngày 06/6/1978. (Vắng mặt)
Địa chỉ: xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An.

- ***Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:***
+/ Anh Lê Đức T , sinh năm 1983. (Có mặt)
Địa chỉ: khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Đào Việt H , sinh năm 1971 (Có mặt)
Nơi công tác: Văn phòng Luật sư Đào Việt H – 101BA3, tập thể H, ngõ 8A phố V, quận Đ, thành phố Hà Nội

*** Bị đơn:** Ông Phan Văn C , sinh ngày 10/8/1969.
Địa chỉ: khối 3 (khối 1 cũ) thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Đã chết ngày 07/01/2020)

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liện quan:**
- Bà Thái Thị L, sinh ngày 20/4/1973; Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

*** Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:**
- Ông Phan Văn K, sinh năm 1939(bố đẻ ông C, mẹ ông C đã chết); Địa chỉ: xóm 8, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (Có mặt).

- Chị Phan Thị C, sinh ngày 04/9/1997.(Con ông Phan Văn C , bà Phạm Thị T); Địa chỉ: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- Chị Phan Như Q, sinh ngày 27/10/1998 .(Con ông Phan Văn C , bà Thái Thị L); Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

- Chị Phan Thị T, sinh ngày 14/5/2001.(Con ông Phan Văn C, bà Thái Thị L);Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- Chị Phan Thanh T, sinh ngày 07/9/2009 (Con ông Phan Văn C, bà Thái Thị L);Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Có mặt)

- Cháu Phan Tiến Đ, sinh ngày 17/01/2012 .(Con ông Phan Văn C, bà Thái Thị L);Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

*** Người đại diện và giám hộ cho cháu Phan Tiến Đ, cháu Phan Thanh T:** Bà Thái Thị L , sinh ngày 20/4/1973 (mẹ đẻ cháu Đ, cháu T); Địa chỉ: Xóm 6, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T , trình bày tại bản tự khai, ý kiến ghi trong biên bản hòa giải và trình bày của ông Lê Đức T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và trình bày ông Đào Việt H người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện nội dung như sau:

Bà Phạm Thị T và ông Phan Văn C kết hôn với nhau tháng 11 năm 1996, vợ chồng sống với nhau được 4 đến 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Do mâu thuẫn sâu sắc vợ chồng mất hết tình cảm, hôn nhân đổ vỡ nên bà T đã về bên ngoại sống ly thân đối với ông Phan Văn C sau thời gian vợ chồng sống chung sống với được 4 đến 5 tháng. Ngày 06/6/2019 thì ông Phan Văn C và bà Phạm Thị T được TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An giải quyết cho vợ chồng ly hôn tại bản án số: 14/2029/HNG Đ- ST ngày 16/6/2019, về tài sản chung ông C, bà T không yêu cầu tòa giải quyết. Sau khi ly hôn bà Phạm Thị T khẳng định trong thời kỳ hôn nhân giữa bà T và ông Phan Văn C đã tạo dựng được 3 thửa đất có tại khối 1(khối 3 mới) và khối 2 tại thị trấn Y, huyện Y đã được Hội đồng định giá xác định cụ thể như sau:

- Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ thửa đất: khối 1(khối 3 mới) thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 361m^2 trong đó có 200 m^2 đất ở và 161m^2 đất trồng cây lâu năm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/6/2015 đất mang tên ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành là: BX 628252 có giá trị 3.085.500.000đ(Ba tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó giá trị 200m^2 đất ở x 11.000.000 đ = 2.200.000.000 đồng ; Đất trồng cây lâu năm 161m^2 x 5.500.000 đ/m^2 = 885.500.000 đồng

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An, Địa chỉ thửa đất: khối 1(khối 3 mới) thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 117m^2 đất ở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2016 đất mang tên

ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành là CD 762784 có giá trị 117m^2 x 11.000.000 đ/m^2 = 1.287.000.000đ(Một tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu đồng)

- Thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 00 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: Nam Đài truyền hình, thuộc khối 2 thị trấn Y; Diện tích là 141m^2 đất ở được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/5/2016 đất mang tên ông Cù Minh S và bà Nguyễn Thị L có số ký hiệu phát hành là CD 705703 đã chuyển nhượng cho ông Phan Văn C và bà Thái Thị L tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 15/3/2019 có giá trị 141m^2 x 12.000.000 đ/m^2= 1.692.000.000 đ (Một tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu đồng)

Tổng giá trị của 3 thửa đất là 3.085.500.000đ +1.287.000.000đ + 1.692.000.000 đ = 6.064.500.000đ(Sáu tỷ, không trăm sáu mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn Phạm Thị T, người dại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phạm Thị T đề nghị chia đôi mỗi người được quyền sử dụng một phần đối với ba thửa đất nêu trên.

Tại đơn trình bày ý kiến của bị đơn ông Phan Văn C (đã chết) ngày 30/12/2019, trình bày tại bản tự khai, ý kiến trình bày của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa được thể hiện như sau:

Ông Phan Văn C và bà Phạm Thị T cưới nhau vào tháng 11/1996, vợ chồng sống với được 4 tháng thì ông Phan Văn C bị người yêu cũ của bà Phạm Thị T chém gần đứt lìa cánh tay phải. Thấy ông C bị chém bà Phạm Thị T đã bỏ về bên ngoại ngay trong ngày ông C bị chém, mọi việc chữa trị vết thương cho ông C đều do bố mẹ ông C lo liệu, bà T không hề có trách nhiệm gì, để mặc hậu quả xảy ra. Sau đó ban xóm,chính quyền xã đã tổ chức hòa giải vận động bà Phạm Thị T đoàn tụ gắn kết hôn nhân, nhưng bà T kiên quyết chấm dứt hôn nhân, bà T đề nghị chuyển đơn để giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.Trong lúc bà T về bên ngoại, không có ý thức đoàn tụ với ông C, thì ông C đã gặp được bà Thái Thị L tại xóm 6, xã T, huyện Y qua tâm sự, bà L đã thông cảm cuộc sống hiện tại của ông C, sau đó giữa bà L, ông C đã phát sinh tình cảm, quyết định về sống chung một nhà đã tổ chức cưới hỏi được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của xóm làng bạn bè. Sau khi về sống với bà L, ông C được bà L thương yêu ông C giúp ông về mọi mặt kể cả tinh thần và vật chất. Do ông C bị tật nguyền, tay phải gần như bị tàn phế không làm được việc gì, bà L chỉ để ông C phụ giúp bà kinh doanh buôn bán phát triển kinh tế với mục đích xây dựng hôn nhân bền vững đối với nhau. Sau một thời gian buôn bán làm ăn thì bà L nghĩ cần có đất đai để sinh hoạt, phục vụ kinh doanh, cho thuê bà L đã đi vay một số tiền của anh em bạn bè, cộng thêm vốn liếng bà L đã có trước khi lấy ông C, đã mua hai thửa đất của hai cá nhân tại thị trấn Y hai thửa đất phía Tây bờ đê Sông D nay là thửa đất số 33 và 34, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: khối 1cũ(khối 3 mới) thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ

An. Sau khi mua được hai thửa đất bà L cần thêm vốn để làm ăn, bà L đến cơ quan hành chính làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất đã mua với mục đích làm thủ tục vay vốn. Theo tư vấn của nhiều người muốn được vay vốn ngân hàng thì phải có Giấy chứng nhận kết hôn giữa bà L, ông C mới đủ điều kiện ngân hàng cho vay. Sau đó bà L, ông C đã đến UBND xã T trình bày mọi việc nên UBND xã T, huyện Y đã cấp giấy chứng nhận kết hôn cho bà Thái Thị L và ông Phan Văn C vào ngày 13/6/2015. Sau khi có giấy chứng nhận kết hôn thì tháng 6 năm 2015 và tháng 4 năm 2016 ông C, bà L đã đến Cơ quan hành chính để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 33 và 34. Ngày ngày 16/6/2015 UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất 33, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: khối 1 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 361m^2 trong đó có 200 m^2 đất ở và 161m^2 đất trồng cây lâu năm mang tên ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành BX 628252; Ngày 04/4/2016 UBND huyện Y cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 34, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: khối 1(khối 3 mới) thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 117m^2 mang tên ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành CD 762784. Sau khi được UBND huyện Y, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L, ông C đã dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng của hai thửa đất đã thế chấp để vay vốn tại ngân hàng nhiều lần để bổ sung vốn kinh doanh. Đến năm 2018 thì bà Thái Thị L thấy đất đai ở thị trấn Y ngày càng có giá trị, mua đất có thể sinh lợi nhuận cao, nên bà Thái Thị L quyết định đầu tư mua đất, bà đi vay tiền ngân hàng, mượn tiền người thân, người quen để mua đất. Tại thời điểm này bà Thái Thị L biết được vợ chồng ông Cù Minh S và bà Nguyễn Thị L cần bán lô đất số 11, tờ bản đồ số 00(QH-2012), diện tích 141m^2; địa chỉ thửa đất Khối 3(khối 1 cũ) thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An mang tên vợ chồng. Sau đó hai bên gặp nhau vợ chồng ông S đã thống nhất chuyển nhượng cho bà L và ông C thửa đất trên với giá 1.800.000.000 đồng. Mục đích bà L, ông C mua thửa đất của vợ chồng ông S, bà L là khi giá đất lên cao sẽ bán lại lấy tiền chênh lệch.

Nay bà Phạm Thị T, người đại dện theo ủy quyền của bà T, luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T cho rằng 3 thửa đất này là tài sản của bà T và ông C tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân là không có căn cứ, ông K, các con của ông C và bà L đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Chị Phan Thị C con đẻ của ông Phan Văn C, bà Phạm Thị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phan Văn C trình bày và cho rằng: Ba thửa đất bà Phạm Thị T mẹ chị đang khởi kiện là tài sản của bà Phạm Thị T, ông Phan Văn C bố mẹ chị tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân, chị đề nghị chia đôi cho mỗi người một nữa.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau **:**

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 1 điều 28 điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách người tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án. Tổ chức mở phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại điều 204; 208; 209; 210; 211 của BLTTDS. Thẩm phán đã vi phạm thời hạn giải quyết vụ án, để án quá hạn. Trước khi xét xử đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại điều 220 của BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 227, 259 của BLTTDS. Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyen đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng đầy đủ qui định tại Điều 70; Điều 71; Điều 72; Điều 73; Điều 74; Điều 76 của BLTTDS.

- Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

-Về án phí: Do yêu cầu của bà Phạm Thị T không được chấp nhận nên bà Phạm Thị T phải nộp án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân sau khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào sự thừa nhận, trình bày của các đương sự trong quá trình hòa giải, tại phiên tòa và các tài liệu do các bên cung cấp có cơ sở khẳng định:

Sau khi bà Phạm Thị T và ông Phan Văn C kết hôn thì ông C, bà T chỉ sống với nhau vỏn vẹn từ 4 tháng đến 5 tháng. Do mâu thuẫn sâu sắc ông C, bà T đã sống ly thân sau 4 tháng đến 5 tháng chung sống với nhau cho đến lúc ông C bà T được TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An giải quyết cho ly hôn vào ngày 06/7/2019. Sau khi sống ly thân các bên đã cắt đứt các quan hệ, bà T, ông C không hề liên lạc, hòa giải đoàn tụ với mục đích để níu kéo hôn nhân để tiếp tục duy trì hôn nhân, chứng cứ để chứng minh điều này là Đơn trình bày của ông C viết gửi Ban chỉ huy xóm 8 xã N, có xác nhận của xóm trưởng, hội phụ nữ xóm; Công văn ngày 19/12/1997 do UBND xã N và Công an xã N gửi Ban cán sự xóm 8 xã N với nội dung tách nghĩa vụ cho ông C, bà T để không để chịu trách nhiệm chung và Biên bản hòa giải do UBND xã N có chữ ký của bà T, ông C xác nhận và biên bản lập ngày 06/2/1998 được phía bên bị đơn ông Phan Văn C cấp giao nộp. Nội dung của các văn bản nêu trên phản ánh bà T mong muốn giải phóng hôn nhân vì không còn tình cảm với ông C, chia nghĩa vụ cho hai người để không liên quan đến nhau.

Nội dung của biên bản hòa giải ngày 06/2/1998 chỉ đề cập giải quyết ly hôn giải phóng hôn nhân, không đề cập đến vợ chồng có những tài sản gì do ai đang quản lý tài sản, cần giải quyết như thế nào, điều này chứng tỏ thời gian sống chung với nhau bà T, ông C chưa có tài sản chung.

Bà Phạm Thị T, người đại diện theo ủy quyền, luật sư bảo vệ quyền và lợi chí hợp pháp của bà T cho rằng sau khi ly thân tiền, vàng, bạc, vật phẩm tặng cho vợ chồng trong lễ cưới do ông C quản lý, sau khi sống li thân ông C mang đi và dùng để mua 3 thửa đất mà nguyên đơn khởi kiện chia là không có căn cứ, đây chỉ là trình bày suy luận, suy diễn theo ý chí chủ quan, không có tài liệu nào để chứng minh. Theo như trình bày nêu trong đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của bà T ngày 21/7/2020 có tại hồ sơ vụ án bà T nói rằng năm 2009 bà đã làm đơn yêu cầu TAND huyện Yên Thành giải quyết ly hôn, chia tài sản chung đối thửa đất số 17, tờ bản đò số 09 xã N, không yêu cầu 3 thửa đất tại thị trấn Y, huyện Y điều này càng cho thấy rằng 3 thửa đất tại thị trấn Y mà bà T khởi kiện yêu cầu chia đối với ông C là không phải tài sản của bà T, ông C có trong thời kỳ hôn nhân. Tài liệu chứng cứ bà Phạm Thị T giao nộp để chứng minh đó là tài tài sản của bà và ông C tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân gồm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/6/2015 đất mang tên ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành là BX 628252 đối với thửa đất số thửa đất số 33, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: khối 1(khối 3 mới) thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 117m^2; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2016 đất mang tên ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành là CD 762784 đói với thửa đất số 34, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: khối 1(khối 3 mới thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 361m^2 trong đó có 200 m^2 đất ở và 161m^2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/5/2016 đất mang tên ông Cù Minh S và bà Phan Thị L có số ký hiệu phát hành là CD 705703 đối với thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 00 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: Nam Đài truyền hình, thuộc khối 2 thị trấn Y; Diện tích là 141m^2 là những giấy tờ, tài liệu cơ sở pháp lý chỉ có giá trị chứng minh 3 thửa đất này là của ông Phan Văn C, bà Thái Thị L, không có gí trị chứng minh là tài sản của bà T, ông C để làm căn để chia cho bà T, ông C.

Do chưa đủ căn cứ xác định 3 thửa đất mà bà T khởi kiện là tài sản chung của bà T, ông C được xây dựng trong thời kỳ hôn nhân, Tòa án đã ra quyết định yêu cầu phía bên nguyên đơn cung cấp chứng cứ để chứng minh nguồn gốc hình thành đối với ba thửa đất, phía nguyên đơn cũng không cung cấp được tài liệu để chứng minh theo yêu cầu của Tòa án, bà Phạm Thị T chỉ có văn bản giải trình, trình bày, hội đồng xét xử thấy không thể lấy việc giải trình, trình bày để làm cơ sở pháp lý để phân chia tài sản cho bà T, ông C.

Ngoài các tài liệu, trình bày, lý luận ở trên, nguyên đơn, người đại diện cho nguyên đơn, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cin khẳng định cho rằng, ông C, bà T mới được Tòa án giải quyết ly hôn vào ngày 06/6/2019,

mặc dù không sống chung với đã nhau lâu, nhưng tài sản này có trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của ông C bà T không cần phải trình bày giải thích nhiều, theo pháp luật là được chia. Hội đồng xét xử thừa nhận rằng 3 thửa đất bà Phạm Thị T khởi kiện tranh chấp yêu cầu chia đối với ông Phan Văn C đúng là được hình thành trong thời kỳ bà T, ông C chưa được Tòa án giải quyết ly hôn. Khẳng định hôn nhân giữa bà T, ông C chỉ tồn tại trên danh nghĩa của pháp lý là chưa được Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn. Thực tế, thực tiễn đã chứng minh hôn nhân giữa bà T, ông C đã thực sự tan rã đổ vỡ từ ngày vợ chồng sống ly thân, các bên đã mất hết tình nghĩa vợ chồng, các bên không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững kể từ ngày vợ chồng sống ly thân. Có nghĩa là khi mục đích hôn nhân không còn thì chắc chắn hai bên không có ý thức xây dựng lên khối tài sản chung để hai bên cùng được hưởng thụ. Để được công nhận đó là tài sản chung vợ chồng tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân thì phải có điều kiện cần và đủ để công nhận đó là tài sản chung. Nội dung bản án ngày 06/6/2020 của TAND huyện Nghĩa Đàn cũng đã phản ánh vợ chồng đã sống ly thân sau từ 4 đến 5 tháng sống chung, có nghĩa là hôn nhân của họ đã thực sự tan rã sau quá trình sống với nhau đến 4 đến 5 tháng thì đối với ông C không bao giờ có ý thức xây dựng lên khối sản chung đối với bà T. Thực tế, hiện trạng đã chứng minh sau khi sống ly thân đối với bà T, ông C đã tìm hiểu bà Thái Thị L quê ở xã T sau đó về sống với nhau một nhà như vợ chồng và đã có với nhau 4 con chung. Tuy hôn nhân giữa ông C, bà L được đánh giá là không hợp pháp, nhưng thời gian ông C sống với bà L là một quảng thời gian dài không ngắn ngũi gì đã hơn 23 năm. Quá trình sống với bà L ông C không hề có ý thức xây dựng cho hôn nhân trước đó đã tan rã đổ, mà tâm trí của ông C là xây dựng cho hôn nhân giữa ông C và bà L. Để chứng minh cho trách nhiệm của mình đối với hôn nhân sau, ông C, bà L đã cùng nhau xây dựng lên khối tài sản chung để phục vụ mục đích chung. Bước đầu ông C, bà L mua được thửa đất đầu tiên(thửa đất số 33) vào ngày 06/9/2004 của anh Vương Văn H, lần lượt sau đó là mua đất của bà Nguyễn Thị M vào ngày 02/5/2015(thửa đất 34) và mua thửa đất 1103 của ông Cù Minh S, bà Nguyễn Thị L vào ngày 15/3/2019. Ba thửa đất này đều ông C, bà L đứng tên mua, có giấy tờ mua bán đất có xác nhận của UBND thị trấn Y, huyện Y. Việc mua đất của ông C, bà L vào năm 2004 và các thửa đất khác đã được thể hiện bằng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo qui định của pháp luật, có chữ ký của bên chuyển nhượng, người nhận chuyển nhượng là ông C và bà L không có tên tên tuổi bà Phạm Thị T trong đó, đối tượng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất là ông Phan Văn C, bà Thái Thị L.Tài liệu này được tòa án thu thập tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Y. Quá trình thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với ba thửa đất đều do ông C, bà L thực hiện, không có ai khác. Đây cũng là một chứng cứ cho thấy bà Phạm Thị T không hề có quyền lợi gì đối với ba thửa đất mà bà T đang tranh chấp với ông Phan Văn C. Do vậy có cơ sở, căn cứ khẳng định 3 thửa đất mà bà T đang tranh chấp với ông Phan Văn C thuộc quyền sử dụng của ông Phan Văn C, bà Thái Thị L không phải tài sản

của bà Phạm Thị T, ông Phan Văn C tạo dựng trong thời kỳ hôn nhân. Bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu chia ba thửa đất này đối với ông Phan Văn C là không đúng, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phạm Thị T.

- Xử lý tiền chi phí tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá: Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã nộp 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền chi phí định giá và xem xét thẩm định tại chổ: Việc xem xét thẩm định, định giá tài sản đối với 3 thửa đất tranh chấp được tiến hành hai ngày, đã chi phí hết 4.700.000 đồng, còn lại 1.300.000 đồng đã trả lại cho ông Lê Đức T người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trước lúc xét xử. Buộc nguyên đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản là 4.700.000 đồng.

- Về án phí: Ba thửa đất mà bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu chia đôi đối với ông Phan Văn C có tổng giá trị 6.064.500.000 đ (Sáu tỷ, không trăm sáu mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng), do yêu cầu của bà Phạm Thị T không được Tòa án chấp nhận nên bà T phải chịu một nữa án phí của số tiền trên.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào 266, 147, 157, 165 Điều 166 Luật tố tụng dân sự; Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân của bà Phạm Thị T đối với ông Phan Văn C đối với 3 thửa sau:

-Thửa đất số 34, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: khối 3(khối 1 cũ) thị Trấn Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 361m^2 trong đó có 200 m^2 đất ở và 161m^2 đất trồng cây lâu năm được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/6/2015 đất mang tên ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành là: BX 628252 có tổng giá trị 3.085.500.000đ(Ba tỷ, không trăm tám mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó giá trị 200m^2 đất ở x 11.000.000 đ = 2.200.000.000đ; Đất trồng cây lâu năm 161m^2 x 5.500.000 đ/m^2 = 885.500.000 đồng

-Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 09 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: khối 3(khối 1 cũ) thị trân Y, huyện Y, tỉnh Nghệ An; Diện tích là 117m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/4/2016 đất mang tên ông Phan Văn C và bà Thái Thị L có số ký hiệu phát hành là CD 762784 có giá trị 117m^2 x 11.000.000 đ/m^2 = 1.287.000.000 đ. (Một tỷ, hai trăm tám mươi bảy triệu đồng)

- Thửa đất số 1103, tờ bản đồ số 00 thị trấn Y, huyện Y, Địa chỉ thửa đất: Nam Đài truyền hình, thuộc khối 2 thị trấn Y; Diện tích là 141m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/5/2016 đất mang tên ông Cù Minh S và bà

Phan Thị L có số ký hiệu phát hành là CD 705703 có giá trị 141m^2 x 12.000.000 đ/m^2=1.692.000.000đ(Một tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu đồng)

2.Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét thẩm định tại chổ:

Buộc: Bà Phạm Thị T phải có nghĩa vụ nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản. Người đại diện theo ủy quyền đã nộp tạm ứng số tiền 6.000.000 đồng, đã chi phí hết số tiền 4.700.000 đồng, còn lại 1.300.000 đồng đã trả lại cho người ông Lê Đức T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị T trước lúc tiến hành xét xử vụ án. Bà Phạm Thị T đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chổ và định giá tài sản.

3. Về án phí:

- Buộc: Buộc bà Phạm Thị T phải nộp 92.645.000đ(Chín mươi triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành - Nghệ An theo biên lai số: 0000143 ngày 22/10/2019. Bà Phạm Thị T còn phải nộp tiếp 75.645.000đ(Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, luật sư bảo về quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do tòa án tống đạt.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc

Nơi nhận:
- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND thị trấn Y(Nơi KKH)